TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/KDTMPT
Ngày**:** 18-9-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Ông Nguyễn Duy Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông PhanVăn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Ngọc Chúc - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2020/QĐPT- KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng TMCP Phát triển M*** (*Nay là* ***Ngân hàng TMCP H).***

Địa chỉ: đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp:

1/ Ông ***Nguyễn Văn C***, sinh năm 1990 (Có mặt).

Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Phòng X

Địa chỉ: Tòa nhà T, đường N, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà ***Nguyễn Thị Nhật T***, sinh năm 1983 (Có mặt).

Chức vụ: Chuyên viên chính Phòng X

Địa chỉ: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020).

Bị đơn: 1. Ông ***Nguyễn Văn S***, sinh năm 1966.

Ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1992 (Có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Bê).

2. Bà ***Huỳnh Ngọc D***, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Do có kháng cáo của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP H trình bày:

Ngày 28/02/2011 Ngân hàng TMCP Phát triển M (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số HL0080/HĐTD-MDB cho ông Nguyễn Văn S, bà Huỳnh Ngọc D cho vay 500.000.000đồng. Lãi suất trong hạn tháng đầu tiên 1.6%/tháng trên dư nợ thực tế, tháng thứ hai trở đi lãi suất cho vay tối thiểu bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ sinh lời tối thiểu theo quy định của MDB trong từng thời kỳ; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phạt chậm trả lãi từ ngày thứ 4 đến ngày thanh toán, số tiền phạt bằng (0,04%/ngày) x (số ngày chậm trả lãi). Số tiền phạt tối thiểu 5.000 đồng/lần; Phạt chậm trả gốc bằng [(150% lãi suất cho vay trong hạn) x (số tiền gốc chậm trả) x (số ngày gốc chậm trả)]/30 ngày. Mục đích vay ông bà bổ sung vốn lưu động mua bán cưa xẻ gỗ, kinh doanh vật liệu xây dựng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Hợp đồng còn thể hiện thỏa thuận, quy định về Phương thức giải ngân; Phương thức trả nợ gốc, lãi; Bảo đảm tiền vay; Thu hồi nợ trước hạn; Chuyển nợ quá hạn; Quyền và nghĩa vụ của bên A và bên B; Điều khoản chung.

Để bảo đảm hợp đồng vay, ông S bà D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00300 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 24/11/2010 đối với Thửa 1927, Tờ bản đồ 01, địa chỉ đất tại Khu vực Thới Hòa, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, diện tích đất 489m^2, LIA1, thuộc Phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 7481/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận Ô Môn). Tài sản gắn liền với đất gồm Nhà xưởng 01 tầng cấp 4, diện tích xây dựng 375.2m^2, kết cấu khung hình thép, vách xây gạch + tole, nền đất, mái tole.

Sau đó ông bà đã 02 lần nhận đủ số tiền vay vào các ngày 04/7/2011 và 12/9/2011. Tính đến ngày 05/4/2012 ông S bà D không trả nợ vay gốc, nợ lãi, số tiền gốc và lãi thời điểm này là 576.304.505 đồng.

Quá trình hoạt động, Ngân hàng TMCP Phát triển M sáp nhập vào Ngân hàng TMCP H theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 21/7/2015, sau đó ngày 04/6/2016 Ngân hàng cùng với bà D bàn bạc, thống nhất kế hoạch trả nợ và phương án xử lý nợ quá hạn: Đợt 1 trả 200.000.000đồng trong thời hạn 01 tuần từ ngày 06/6/2016 đến ngày 12/6/2016, Đợt 2 lấy tiền bồi thường bờ kè (có bao nhiêu trả hết bấy nhiêu), Đợt cuối cùng phần còn lại trả dần từ doanh thu của Cửa hàng Trang trí nội thất Ngọc D.

Quá trình giải quyết vụ án, tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi là 766.145.588 đồng (theo Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Ủy ban nhân dân quận Ô Môn). Ngày 29/6/2016 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Ô Môn, bà D thỏa thuận và thống nhất lấy từ tiền bồi thường, hỗ trợ này để trả cho Ngân hàng H 350.000.000đồng, Ngân hàng đồng ý nhận và khấu trừ vào tiền vay gốc, do đó bà D còn nợ 150.000.000đồng tiền vay gốc và nợ lãi. Do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn Ngân hàng sẽ tạo điều kiện giảm bớt một phần lãi để bà D tất toán hợp đồng vay (Biên bản ngày 29/6/2016, bút lục 194-195).

Kể từ ngày trả nợ gốc 350.000.000 đồng đến nay bà D ông S không trả số tiền nợ còn lại, kể cả tiền lãi. Ngân hàng yêu cầu ông S bà D phải trả nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi tính từ thời điểm phát vay cho đến khi xét xử ngày 22/6/2020, tiền lãi tiếp tục tính theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông bà không trả nợ, yêu cầu được quyền kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011 để thu hồi nợ.

Bà Huỳnh Ngọc D trình bày ý kiến, yêu cầu, quan điểm giải quyết vụ án: Bà D thừa nhận còn nợ Ngân hàng 150.000.000đồng và đồng ý trả (Biên bản làm việc ngày 04/3/2020, bút lục 250). Đối với tiền lãi bà yêu cầu Ngân hàng giảm hết, nếu không thì bà sẽ không trả nợ gốc và nợ lãi mà bà sẽ thưa kiện Ngân hàng về số tiền này. Bà cho rằng đã cung cấp Biên bản giám định pháp y tâm thần số 25/2013/BA-PYTT ngày 07/8/2013, Quyết định Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 02/2013/QĐ.BBCB ngày 12/8/2013, Quyết định trưng cầu giám định số 01/2014/QĐ.TCGĐPY ngày 05/5/2014, Biên bản giám định pháp y tâm thần ngày 05/6/2014 (tất cả bản photo) để chứng minh bà có bệnh nên không đồng ý giám định tâm thần, không đồng ý thực hiện thủ tục tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi dân

sự tại Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 theo Giấy triệu tập ngày 19/02/2020 và Thông báo của Tòa án ngày 19/02/2020 (Bút lục 212-213). Theo Biên bản hòa giải ngày 13/5/2020 bà đồng ý trả nợ gốc 150.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi 863.624.505đồng, bà xin Tòa án xem xét cho trả nợ gốc, không trả lãi (Bút lục 268).

Ông Nguyễn Văn S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có bản tự khai hoặc văn bản trình bày quan điểm, yêu cầu của ông liên quan đến các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Vụ việc hòa giải không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 03/2020/KDTM-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển M (Nay là Ngân hàng TMCP H).

Buộc Ông Nguyễn Văn S, bà Huỳnh Ngọc D phải trả cho Ngân hàng TMCP H 988.344.166 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng)* bao gồm nợ gốc 150.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 31.584.166 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng)*, nợ lãi quá hạn 806.760.000 đồng *(Bằng chữ: Tám trăm lẻ sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HL0080/HĐTD-MDB ngày 28/02/2011 kể từ ngày 23/6/2020 cho đến khi ông bà trả hết nợ.

Trường hợp ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0126/HĐTC-MDB/BĐ ngày 28/02/2011, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 729202, số vào sổ cấp GCN: CH00300 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn cấp ngày 24/11/2010 cho bà Huỳnh Ngọc D đối với Thửa 1927, Tờ bản đồ 01, diện tích 489m^2 (Trong đó, có 38.1m^2 CLN bị thu hồi theo Quyết định số 7481/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận Ô Môn), địa chỉ đất tại Khu vực Thới Hòa, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Tài sản gắn liền với đất gồm Nhà xưởng 01 tầng cấp 4, diện tích xây dựng 375.2m^2, kết cấu khung hình thép, vách xây gạch + tole, nền đất, mái tole.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, các bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo: yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà Huỳnh Ngọc D cho rằng, trong quá trình thanh toán nợ bà có trả cho Ngân hàng số tiền 100 triệu đồng theo phiếu thu vào ngày 29/4/2011 nhưng chứng cứ này không được cấp sơ thẩm xem xét để khấu trừ vào nợ gốc. Ngoài ra, việc tính lãi như ngân hàng yêu cầu được cấp sơ thẩm buộc là không phù hợp và không đúng như thỏa thuận của bà và Ngân hàng. Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền 50 triệu đồng gốc và yêu cầu Ngân hàng giảm miễn toàn bộ tiền lãi cho bà.

Đại diện ngân hàng cho rằng: khoản tiền mà bà Huỳnh Ngọc D yêu cầu xem xét lại là khoản vay cho Khế ước phát sinh trước đó. Tuy rằng, cấp sơ thẩm không thực hiện thẩm định tại chỗ nhưng Ngân hàng đồng ý chịu rủi ro đối với phần đất còn lại sau khi xử lý tài sản thế chấp. Đề nghị giữ y án sơ thẩm.

**Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của đương sự trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn, thấy rằng bản án mà cấp sơ thẩm tuyên đã có những vi phạm như sau:

1. Đơn khởi kiện của ngân hàng yêu cầu các bị đơn trả nợ gốc là 500 triệu đồng và lãi phát sinh . Quá trình giải quyết, khi phần đất thế chấp bị thu hồi có đền bù theo dự án thì ngày 29/6/2016, các bị đơn đã trả được 350 triệu đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, như vậy, việc cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng với bản chất của vụ việc, lẽ ra Ngân hàng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ngân hàng và như vậy việc tính án phí trên yêu cầu không được chấp nhận phải được tuyên buộc.

2. Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Ngọc D trình bày có nộp trả cho ngân hàng số tiền 100 triệu đồng theo Phiếu thu ngày 29/4/2011, theo hồ sơ là bút lục số 247, tại

phiên tòa là bản gốc của phiếu thu. Tài liệu này không được cấp sơ thẩm đánh giá nhận định trong bản án. Phía Ngân hàng cho rằng số tiền này phát sinh trước hai khế ước nhận nợ của hồ sơ khởi kiện nhưng Ngân hàng không cung cấp được thêm chứng từ nào khác để chứng minh cho điều này. Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm đánh giá làm rõ nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

3. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản: tài sản thế chấp được ghi nhận trong hợp đồng thế chấp và hiện trạng thực tế đã có sự thay đổi, cấp sơ thẩm không thẩm định thực tế và tuyên xử lý theo Hợp đồng thế chấp sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Nhận định về phần tiền lãi theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng với Luật tổ chức tín dụng là không đúng. Hai bên tuy có thỏa thuận về tiền lãi nhưng khi ký hợp đồng tín dụng trong trường hợp này áp dụng theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 lại không quy định về lãi suất chậm trả và theo tinh thần Án lệ số 08 cũng không chấp nhận việc tính lãi chậm trả. Do vậy, án sơ thẩm nhận định chấp nhận theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng là chưa phù hợp.

5. Việc nhận định tính án phí của án sơ thẩm áp dụng tính 5% là chưa đúng với Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

6. Tại bút lục 48, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã ký ban hành Quyết định thay đổi thẩm phán khác nhưng sau đó, khi ra Quyết định tạm đình chỉ, thẩm phán bị thay đổi vẫn ký Quyết định là vi phạm về thủ tục tố tụng.

Với những vi phạm như đã nêu trên không thể khắc phục bổ sung. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1]. Xét về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn cho các bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Huỳnh Ngọc D vay tiền để kinh doanh và sau đó phát sinh tranh chấp, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Các bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cấp sơ thẩm căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm Viện Kiểm sát không có kháng nghị. Các bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét và đánh giá khách quan là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Bà D chỉ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 150 triệu đồng theo Biên bản thỏa thuận tại Trung tâm phát triển quỹ đất ngày 29/6/2016. Đồng thời bà gửi nhiều đơn khiếu nại với những nội dung như đã trình bày trong đơn kháng cáo.

[4]. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần đánh giá lại tất cả các vấn đề, phân tích song song để từ đó xem xét vấn đề kháng cáo. Tuy nhiên, hồ sơ đã có những sai sót về thu thập chứng cứ, trong trường hợp này cần đánh giá các vấn đề liên quan, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để đánh giá.

[5]. Thứ nhất: Đơn khởi kiện của ngân hàng yêu cầu các bị đơn trả nợ gốc là 500 triệu đồng và lãi phát sinh. Quá trình giải quyết, khi phần đất thế chấp bị thu hồi có đền bù theo dự án thì ngày 29/6/2016, các bị đơn đã trả được 350 triệu đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, như vậy, việc cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng với bản chất của vụ việc, lẽ ra Ngân hàng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ngân hàng và như vậy việc tính án phí trên yêu cầu không được chấp nhận phải được tuyên buộc.

[6]. Nếu giữ yêu cầu như ban đầu mà không rút lại một phần yêu cầu đối với nợ gốc thì nguyên đơn phải chịu án phí trên phần bị bác yêu cầu. Vấn đề này án sơ thẩm nhận định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng. Cần phải sửa tính án phí nếu nguyên đơn vẫn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[7]. Thứ hai: Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Ngọc D đưa ra chứng cứ là Phiếu thu ngân hàng đã nhận số tiền 100 triệu đồng. Số tiền án sơ thẩm có lưu hồ sơ tại bút lục số 274, xác định trả một phần nợ vay theo số hợp đồng HL0080.1 vào ngày 29/4/2011. Tuy nhiên không ghi rõ là trả tiền cho phần tiền gốc hay lãi.

Tài liệu này không được cấp sơ thẩm đánh giá nhận định trong bản án. Phía Ngân hàng cho rằng số tiền này phát sinh trước hai khế ước nhận nợ của hồ sơ khởi kiện nhưng Ngân hàng không cung cấp được thêm chứng từ nào khác để chứng minh cho điều này. Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm đánh giá làm rõ nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đối chiếu với hồ sơ vay là đúng số hợp đồng nhưng số

tiền trả này chưa được các bên cập đến, hai bên cũng chưa đối chất với nhau về phần này. Ngân hàng không cập nhật số liệu này, hai bên cũng không đối trừ số tiền này, cấp sơ thẩm không đối chất đề cập và giải quyết nên cấp phúc thẩm chưa đánh giá được.

[8]. Thứ ba, Xét về lãi của bị đơn: Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, đến thời điểm hiện nay các bên chưa thực hiện xong, do vậy áp dụng Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án. Xét thấy tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng tín dụng hai bên thoả thuận về lãi suất cho vay tại Điều 3 của Hợp đồng thỏa thuận về lãi suất, phí và phạt. Án sơ thẩm chấp nhận tính lãi trong hạn, quá hạn nhưng nhận định điều 3 để áp dụng trả mức lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả gốc theo thỏa thuận. Việc các bên còn thoả thuận về lãi suất phạt chậm trả là không phù hợp với pháp luật. Tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 cũng không cho phép được tính lãi quá hạn.

Ngoài ra, Ngân hàng đã áp dụng tính lãi số tiền từ khi giải ngân đến khi trả trên số nợ gốc là 500 triệu đồng, với cách tính lãi trên số tiền gốc từ thời điểm vay ngày 28/2/2011 đến ngày 29/6/2016 để áp dụng và lấy mốc từ ngày 30/6/2016 mới áp dụng trên số tiền 150 triệu đồng cho đến khi xét xử (bút lục 264).

Bà Huỳnh Ngọc D không đồng ý với cách áp dụng lãi này mà cho rằng: thời điểm khi ký Biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2016 với Ngân hàng tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn số tiền hai bên thỏa thuận để bà D thanh toán được chốt lại là ông Trần Nhật Anh Phong đã đồng ý là bớt hết toàn bộ tiền lãi và nhận số tiền 350 triệu đồng và số tiền nợ gốc còn lại là 150 triệu đồng cho bà trả dần vì hoàn cảnh của gia đình bà gặp nhiều khó khăn về mặt kinh tế đời sống mà ngân hàng lại tính lại toàn bộ các mốc lãi từ ngày vay là vi phạm thỏa thuận đã được ghi nhận.

[9]. Như vậy, sự thỏa thuận của các bên ghi nhận bằng văn bản được sự chứng kiến của cơ quan Nhà nước. Vì vậy, trong quá trình xét xử sơ thẩm lại cần cân nhắc đánh giá để đảm bảo quyền lợi của các bên, đánh giá toàn diện các vấn đề khác liên quan đến vụ án như đã phân tích nêu trên.

[10]. Thứ tư, đối với việc xử lý tài sản thế chấp: Cấp sơ thẩm cho rằng trường hợp ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/02/2011.

Thấy rằng: Tài sản thực tế hiện nay không còn như thời điểm thế chấp. Phần tài sản như mô tả theo hợp đồng thế chấp là không đúng với hiện trang đất do đã bị thu hồi. Cấp sơ thẩm không thực hiện việc thẩm định tại chỗ, bản án tuyên sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án và sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[11]. Thứ năm, cách tính án phí của cấp sơ thẩm phân tích trong nhận định *"Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận nên ông S bà D phải chịu* ***5%*** *án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tổng số tiền nợ gốc và lãi*" là chưa chính xác. Phải áp dụng theo mức tính án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mới phù hợp.

[12]. Tại bút lục 48, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã ký ban hành Quyết định thay đổi thẩm phán khác nhưng sau đó, khi ra Quyết định tạm đình chỉ, thẩm phán bị thay đổi vẫn ký Quyết định là vi phạm về thủ tục tố tụng. Sai sót này về thủ tục nên nêu ra để rút kinh nghiệm.

[13]. Từ những phân tích nêu trên, bản án sơ thẩm đã vi phạm về nội dung và tố tụng nên chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[14]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[15]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: chưa giải quyết; Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Không ai phải chịu nên các đương sự được nhận lại án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Ngọc D.

Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thới Lai, thành phố Cần Thơ để giải quyết lại theo thủ tục chung

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: chưa ai phải chịu và sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai số 015718 ngày 30/6/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày18/9/2020)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân H Thới Lai;
- Chi Cục THADS H Thới Lai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang